Biểu số 01

BIỂU TỔNG HỢP KINH PHÍ ĐIỀU CHỈNH GIẢM DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 1092/QĐ-UBND ngày 16/5/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán điều chỉnh giảm						Ghi chú
		Tổng cộng	Dự toán tự chủ/ thường xuyên	Dự toán ngoài định mức (kinh phí không tự chủ/không TX)	Trong đó			
					Các nhiệm vụ khác được giao theo lĩnh vực	Chương trình mục tiêu khác	Chương trình mục tiêu Quốc gia	
A	*B*	*1=2+3*	*2*	*3=4+5+6*	*4*	*5*	*6*	*7*
	TỔNG CỘNG	**58.463.096.818**	**15.288.744.068**	**43.174.352.750**	**43.054.352.750**	**-**	**120.000.000**	
I	**Văn phòng Tỉnh uỷ**	**19.682.646.019**	**4.025.000.000**	**15.657.646.019**	**15.537.646.019**	**-**	**120.000.000**	
	Báo Lạng Sơn	19.682.646.019	4.025.000.000	15.657.646.019	15.537.646.019		120.000.000	
II	**Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh**	**38.780.450.799**	**11.263.744.068**	**27.516.706.731**	**27.516.706.731**			Trong đó: số chuyển nguồn từ năm 2024 sang năm 2025 là 25.647.500 đồng

Biểu số 02

BIỂU CHI TIẾT ĐIỀU CHỈNH GIẢM DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 1092/QĐ-UBND ngày 16/5/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Đơn vị/Nội dung	Dự toán điều chỉnh giảm	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
	TỔNG CỘNG	**58.463.096.818**	
I	**Văn phòng Tỉnh uỷ (Báo Lạng Sơn)**	**19.682.646.019**	
1	**Dự toán tự chủ/ thường xuyên**	**4.025.000.000**	
1.1	Quỹ lương	3.466.067.723	
1.2	Định mức theo Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND	558.932.277	
2	**Dự toán ngoài định mức (kinh phí không tự chủ/không thường xuyên)**	**15.657.646.019**	
2.1	Các nhiệm vụ khác được giao theo lĩnh vực	15.537.646.019	
	Quỹ thi đua khen thưởng	*54.445.000*	
	Sửa chữa xe ô tô	*40.000.000*	
	Trợ giá công in báo	*3.093.662.815*	
	Kinh phí hoạt động phòng, chống HIV/AIDS của tỉnh Lạng Sơn theo Kế hoạch số 183/KH-UBND ngày 18/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh	*25.000.000*	
	Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP, ngày 30/6/2024 của Chính phủ	*354.000.000*	
	Sự nghiệp văn hoá của Báo Lạng Sơn - Nhuận bút in báo	*11.573.178.204*	
2.2	Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới	120.000.000	
II	**Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh**	**38.780.450.799**	
1	**Dự toán tự chủ/ thường xuyên**	**11.263.744.068**	
1.1	Quỹ lương	9.833.994.937	
1.2	Định mức theo Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND	1.429.749.131	
2	**Dự toán ngoài định mức (kinh phí không tự chủ/không thường xuyên)**	**27.516.706.731**	
2.1	Các nhiệm vụ khác được giao theo lĩnh vực	7.885.851.144	
1.2.1	*Thuê dịch vụ truyền dẫn phát sóng kênh Truyền hình Lạng Sơn tiêu chuẩn HD trên vệ tinh giai đoạn 2021-2025*	*3.900.000.000*	
1.2.2	*Kinh phí thuê dịch vụ truyền hình quốc gia VTVCab*	*670.000.000*	
1.2.3	*Trang thông tin điện tử và phát triển hệ thống truyền hình Internet của Đài Phát thanh và Truyền hình Lạng Sơn theo Quyết định số 1608/QĐ-UBND ngày 20/8/2020 của UBND tỉnh*	*1.160.000.000*	
1.2.4	*Dịch vụ truyền dẫn phát sóng kênh LSTV tiêu chuẩn HD (Chuyển sang số hóa mặt đất theo lộ trình của Chính phủ)*	*800.000.000*	
1.2.5	*Phí sử dụng tần số và trang miền*	*100.000.000*	
1.2.6	*Tiền điện trạm phát sóng 345 đường Bắc Sơn*	*256.360.465*	
1.2.7	*Tiền điện trạm phát sóng Mẫu Sơn*	*319.644.679*	
1.2.8	*Mua bản quyền phim truyện*	*135.000.000*	
1.2.9	*Mua bản quyền bản tin Tiếng Trung*	*96.000.000*	
1.2.10	*Mua bản quyền chương trình thời sự tổng hợp*	*144.000.000*	

STT	Đơn vị/Nội dung	Dự toán điều chỉnh giảm	Ghi chú
1.2.11	*Hỗ trợ trang phục và chuyên môn cho phát thanh viên*	*182.228.000*	
1.2.12	*Kinh phí thi đua khen thưởng*	*2.618.000*	
1.2.13	*Sửa chữa xe ô tô*	*100.000.000*	
1.2.14	*Kinh phí phòng chống HIV/AIDS*	*20.000.000*	
2.2	Sự nghiệp kinh tế khác (nguồn 12)	5.000.000.000	
	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ "Xây dựng Hệ thống chuyển đổi số của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh phục vụ hoạt động quản lý điều hành, quản lý sản xuất và quản lý phát sóng."	*5.000.000.000*	
2.3	Sự nghiệp Văn hóa khác (Nguồn 12)	13.698.855.587	
	Kinh phí không thường xuyên (nhuận bút phát thanh truyền hình)	*13.698.855.587*	
2.4	Tiền thưởng (Nguồn 18)	932.000.000	
	Tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ	*932.000.000*	

Biểu số 03

BIỂU CHI TIẾT ĐIỀU CHỈNH TĂNG DỰ TOÁN CHI NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 1092/QĐ-UBND ngày 16/5/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán điều chỉnh tăng	Ghi chú
1	2	3	4
	TỔNG CỘNG	**58.463.096.818**	
A	**Điều chỉnh tăng dự toán chi NSNN cho Văn phòng Tỉnh uỷ (Báo và Đài Phát thanh Truyền hình Lạng Sơn)**	**49.863.503.345**	
1	**Dự toán tự chủ/ thường xuyên**	**13.028.714.355**	
1.1	Lương và các khoản phụ cấp theo lương	11.879.613.954	
1.2	Chi khác theo Định mức	1.149.100.401	
2	**Dự toán ngoài định mức (kinh phí không tự chủ/không thường xuyên)**	**36.834.788.990**	
2.1	Các nhiệm vụ khác được giao theo lĩnh vực (lĩnh vực đài phát thanh truyền hình)	**36.714.788.990**	
	Thuê dịch vụ truyền dẫn phát sóng kênh Truyền hình Lạng Sơn tiêu chuẩn HD trên vệ tinh giai đoạn 2021-2025	*3.900.000.000*	
	Kinh phí thuê dịch vụ truyền hình quốc gia VTVCab	*670.000.000*	
	Dịch vụ truyền dẫn phát sóng kênh LSTV tiêu chuẩn HD (Chuyển sang số hóa mặt đất theo lộ trình của Chính phủ)	*800.000.000*	
	Phí sử dụng tần số và trang miền	*100.000.000*	
	Tiền điện trạm phát sóng 345 đường Bắc Sơn	*256.360.465*	
	Tiền điện trạm phát sóng Mẫu Sơn	*319.644.679*	
	Mua bản quyền phim truyện	*135.000.000*	
	Mua bản quyền bản tin Tiếng Trung	*96.000.000*	
	Mua bản quyền chương trình thời sự tổng hợp	*144.000.000*	
	Hỗ trợ trang phục và chuyên môn cho phát thanh viên	*182.228.000*	
	Kinh phí thi đua khen thưởng	*57.063.000*	
	Sửa chữa xe ô tô	*140.000.000*	
	Kinh phí phòng chống HIV/AIDS	*20.000.000*	
	Kinh phí nhuận bút Pphát thanh truyền hình	*13.698.855.587*	
	Kinh phí tiền thưởngtheo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ	*1.106.436.240*	
	Trợ giá công in báo	*3.093.662.815*	
	Duy trì, bảo dưỡng website Báo Lạng Sơn điện tử	*397.360.000*	
	Kinh phí hoạt động phòng, chống HIV/AIDS	*25.000.000*	

STT	Tên đơn vị	Dự toán điều chỉnh tăng	Ghi chú
1	2	3	4
	Kinh phí nhuận bút in báo	*11.573.178.204*	
2.2	Chương trình mục tiêu Quốc gia	120.000.000	
	Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng Nông thôn mới	120.000.000	
B	**Điều chỉnh tăng dự toán chi khác ngân sách tỉnh năm 2025**	**8.599.593.473**	

Biểu 04

BIỂU ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 1092/QĐ-UBND ngày 16/5/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Tên đơn vị	Số tiền	Ghi chú
I	**Giảm dự toán thu của các đơn vị trước sắp xếp tổ chức bộ máy tại Quyết định số 2255/QĐ-UBND ngày 15/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh**	**13.302,0**	
1	**Văn phòng Tỉnh uỷ**	**5.802,0**	
-	Báo Lạng Sơn	5.802,0	
2	**Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh**	**7.500,0**	
II	**Tăng dự toán thu NSNN năm 2025 của các đơn vị sau sắp xếp tổ chức bộ máy**	**13.302,0**	
1	**Văn phòng Tỉnh uỷ**	**13.302,0**	
-	Báo và Đài Phát thanh Truyền hình Lạng Sơn	13.302,0	

Biểu 05

BIỂU CHI TIẾT DỰ TOÁN THU, CHI CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ VÀ THU KHÁC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 1092/QĐ-UBND ngày 16/5/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Nội dung thu	Tổng thu	Trong đó			Tổng chi	Số thu nộp ngân sách	Nộp thuế	Số thu được để lại đơn vị chi theo quy định	Trong đó				Ghi chú
				Thu lệ phí	Thu phí	Thu từ dịch vụ và thu khác					Chi phí hợp lý phục vụ công tác thu	Số chi từ nguồn thu để lại thực hiện cải cách tiền lương	Số chi từ nguồn thu giảm trừ vào định mức	Số trích các quỹ và số thu còn lại để sử dụng	
A	B	C	1=2+3+4	2	3	4	5=6+7+8	6	7	8=9+10+11+12	9	10=(8-9)*35%, 40%	11	12	13
	Văn phòng Tỉnh uỷ (Báo và Đài Phát thanh Truyền hình Lạng Sơn)		**13.302,0**			**13.302,0**	**13.302,0**		**915,0**	**12.387,0**	**10.978,0**	**563,6**	**262,1**	**583,3**	
1	**Dịch vụ phát thanh truyền hình**	**Thu dịch vụ phát thanh truyền hình**	**7.500,0**			**7.500,0**	**7.500,0**		**750,0**	**6.750,0**	**5.738,0**	**404,8**	**190,7**	**416,5**	
		Thu dịch vụ quảng cáo	2.000,0			2.000,0	-								
		Tiếp sóng VOV	960,0			960,0	-								
		Tiếp phát sóng số	560,0			560,0	-								
		Thu dịch vụ truyên truyền	2.500,0			3.530,0	-								
		Thuê cột Anten	450,0			450,0	-								
2	**Dịch vụ Báo**	**Thu dịch vụ báo**	**5.802,0**			**5.802,0**	**5.802,0**		**165,0**	**5.637,0**	**5.240,0**	**158,8**	**71,5**	**166,7**	
		Thu bán báo	4.142,0			4.142,0	**4.142,0**			4.142,0	4.142,0				
		Thu dịch vụ quảng cáo	1.450,0			1.450,0	**1.450,0**		145,0	1.305,0	938,0	146,8	66,1	154,1	
		Thu phối hợp tuyên truyền	200,0			200,0	**200,0**		20,0	180,0	150,0	12,0	5,4	12,6	
		Thu khác	10,0			10,0	**10,0**			10,0	10,0				